DỰ THẢO LẦN 2

**XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH,**

**VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN; PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG ANH HÙNG, ĐOÀN KẾT**; **ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ; TĂNG TRƯỞNG XANH; BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH; PHẤN ĐẤU ĐẾN NĂM 2030 LÀ TỈNH PHÁT TRIỂN KHÁ, CÙNG CẢ NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC**

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

 **ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX**

Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trong điều kiện tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó lường, xuất hiện nhiều thách thức mới gây nhiều khó khăn hơn dự báo (*đại dịch Covid-19 kéo dài, gây hậu quả nặng nề; xung đột giữa một số nước; lạm phát tăng, suy giảm kinh tế toàn cầu,*…). Trong nước và tỉnh ta, cũng chịu sự tác động sâu sắc của tình hình thế giới, đại dịch Covid-19, thiên tai, bão, lũ lụt; những thuận lợi, thời cơ, khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề đặt ra cần phải giải quyết đã tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống Nhân dân.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, chung sức, đồng lòng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sát sao, quyết liệt, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX gắn với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (*sau đây viết tắt là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh*) với tinh thần quyết tâm chính trị cao; cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh ta đã từng bước khắc phục khó khăn, vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đạt được những kết quả khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030 trong bối cảnh đất nước, tỉnh ta bước vào giai đoạn lịch sử mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đại hội chúng ta có trách nhiệm: Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030; Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Đảng. Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tiến hành theo phương châm: **"Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển".**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển**

**1.1. Kinh tế tiếp tục phát triển; quy mô tổng sản phẩm tăng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực**

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 69.259 tỷ đồng, tăng bình quân 6,66%/năm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 71,1% trong GRDP; GRDP bình quân đầu người ước đạt 4.712 USD; thu nhập bình quân đầu người năm 2025 dự kiến đạt 54,64 triệu đồng/người/năm, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 7,59%/năm. Năng suất lao động xã hội theo giá so sánh ước đạt 128,9 triệu đồng/lao động, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,2%/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong 5 năm ước đạt 150.672 tỷ đồng, vượt 38,5%. Hằng năm, thu ngân sách nhà nước đều vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm theo giá hiện hành ước đạt khoảng 210.834 tỷ đồng, vượt kế hoạch Nghị quyết đề ra.

**1.2.** **Về khai thác và sử dụng hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững đạt kết quả quan trọng**

*1.2.1.**Thực hiện nhiệm vụ đột phá về phát triển công nghiệp bền vững, phát triển cả chiều rộng và chiều sâu đạt kết quả tích cực*

Công nghiệp phát triển mạnh, đóng góp lớn vào tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 179.966 tỷ đồng, tăng 14,3%, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 11,2%/năm. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp đạt mục tiêu đề ra. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực và là điểm sáng trong phát triển công nghiệp của tỉnh, chiếm tỷ trọng cao (99%) trong cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành công nghiệp như: công nghiệp lọc hóa dầu (khoảng 31%); luyện kim, sản xuất kim loại (khoảng hơn 42%); chế biến thực phẩm, đồ uống; dệt may, da giày; sản xuất máy móc, thiết bị;...

Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư, thu hút đầu tư phát triển. Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hiện nay, tỉnh đang tích cực phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và hoàn thành Đề án Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng, là công cụ hữu hiệu để đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế Dung Quất trong thời gian đến. Quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án có quy mô lớn, có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh như: Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng. Kim ngạch xuất khẩubình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 2.251 triệu USD/năm. Bình quân giai đoạn 2021 - 2025, ngành công nghiệp đóng góp vào ngân sách khoảng 24.370 tỷ đồng/năm[[1]](#endnote-1); giải quyết việc làm mới cho 21.813 lao động,lũy kế đến cuối năm 2025 giải quyết việc làm cho khoảng 77.400 lao động.

*1.2.2.* *Sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển toàn diện, đạt được một số kết quả*

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản (theo giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 20.223 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 3,41%/năm. Tích tụ, tập trung đất đai đạt kết quả bước đầu. Trong sản xuất nông nghiệp, việc cơ giới hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đưa công nghệ mới vào sản xuất được đẩy mạnh. Thực hiện dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi phương thức sản xuất sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực[[2]](#endnote-2).

Phát triển sản phẩm OCOP ngày càng đi vào chiều sâu[[3]](#endnote-3), tạo ra được nhiều sản phẩm có chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu[[4]](#endnote-4); một số mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp được thực hiện hiệu quả. Chăn nuôi có nhiều chuyển biến đáng kể về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh sang chăn nuôi tập trung.

Công tác quản lý, phát triển và bảo vệ rừng được quan tâm. Năm 2025, tổng diện tích rừng ước đạt 332.888ha, tăng 600 ha so với năm 2020; sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng ước đạt 2.729.768 m3, bình quân tăng 7,85%/năm; tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định qua các năm; thực hiện liên kết trồng rừng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn theo hướng có Chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC được chú trọng[[5]](#endnote-5). Sản lượng thủy sản ước đạt 296.178 tấn, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 2%/năm[[6]](#endnote-6). Công tác quản lý khai thác, bảo quản và nuôi trồng thủy sản được chú trọng theo hướng phát triển bền vững; hầu hết các cấp, các ngành, địa phương và người dân đều hưởng ứng tích cực và nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

*1.2.3*.*Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phát triển du lịch[[7]](#endnote-7); phát triển đa dạng các ngành dịch vụ đạt một số kết quả*

Giá trị sản xuất khu vực dịch vụ (theo giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 33.161 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 5,39%/năm. Thương mại nội địa phát triển mạnh, hệ thống siêu thị cũng được đầu tư mở rộng.

Dịch vụ vận tải phát triển đa dạng, doanh thu vận tải bình quân tăng 11,2%/năm. Dịch vụ bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình được nâng cao và mở rộng phục vụ. Dịch vụ tài chính - ngân hàng đổi mới và tiếp tục mở rộng phát triển. Hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu tận dụng có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 2.740 triệu USD, tăng bình quân 14,2%/năm, tăng gần gấp đôi với với năm 2020; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 4.480 triệu USD, tăng bình quân 21,7%/năm.

Hoạt động du lịch được khôi phục khá nhanh sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát. Nhiều hoạt động liên kết, xúc tiến, hợp tác, quảng bá du lịch Quảng Ngãi được triển khai thực hiện[[8]](#endnote-8). Năm 2025, tổng lượt khách ước đạt 1.700.000 lượt, tăng bình quân 30,3%/năm (trong đó khách quốc tế tăng 20%/năm); tổng doanh thu du lịch ước đạt 1.450/2.780 tỷ, tăng bình quân 23,5%/năm. Hiện nay, tỉnh đang tích cực phối hợp xây dựng Đề án Phát triển huyện đảo Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển - đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng dự kiến đến năm 2025 đạt 83.575 tỷ đồng (theo giá hiện hành); bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 9,1%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 ước đạt 2.746 triệu USD, tăng trưởng bình quân 14,3%/năm, tăng gần gấp đôi với với năm 2020.

*1.2.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển kết cấu hạ tầng[[9]](#endnote-9) đồng bộ, hiện đại đạt được một số kết quả*

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông tiếp tục được ưu tiên đầu tư, nhất là thực hiện các công trình hạ tầng giao thông quan trọng, có tính kết nối liên vùng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân[[10]](#endnote-10). Hạ tầng thủy lợi, đê điều được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất[[11]](#endnote-11). Hạ tầng cung cấp điện, công nghệ thông tin và truyền thông, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, khoa học, công nghệ được quan tâm đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực. Đến nay, toàn tỉnh có 170/170 xã, phường, thị trấn có điện, đạt tỷ lệ 100%.

*1.2.5. Phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng; phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới được chú trọng*

Hoàn thành việc lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045, đến nay đã phê duyệt 05 quy hoạch phân khu.

Xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm đầu tư. Giai đoạn 2021 -2025, có thêm 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 04 huyện, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; lũy kế có 109 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 06 huyện, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Đô thị có bước phát triển. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%, vượt kế hoạch[[12]](#endnote-12), tiệm cận với tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc. Tỷ lệ hộ dân cư đô thị dùng nước sạch ước đạt 90%, đạt kế hoạch[[13]](#endnote-13). Đến nay, đô thị huyện Sơn Tịnh được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V; đang nỗ lực hoàn thiện các tiêu chí để bảo đảm đô thị Quảng Ngãi đạt chuẩn đô thị loại II; thị xã Đức Phổ hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại IV; đô thị Bình Sơn đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV, sớm đưa huyện Bình Sơn trở thành thị xã. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển được quan tâm đầu tư. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển được chú trọng, đời sống Nhân dân vùng ven biển, đảo ngày được nâng lên.

*1.2.6. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển đạt được kết quả quan trọng*

Đã tập trung chỉ đạo việc cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của doanh nghiệp. Sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các quy định, ban hành các cơ chế, chính sách, từng bước tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi. Chủ động xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, các hội nghị giới thiệu về Quảng Ngãi; tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, nhà đầu tư phục hồi sản xuất, kinh doanh[[14]](#endnote-14). Giai đoạn 2021 - 2025, cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 20 dự án FDI, tổng vốn đăng ký khoảng 550 triệu USD; tổng vốn thực hiện ước đạt 474 triệu USD[[15]](#endnote-15); cấp chủ trương đầu tư cho 68 dự án, tổng vốn đăng ký 103.474 tỷ đồng, tổng vốn thực hiện ước đạt 91.925 tỷ đồng[[16]](#endnote-16). Từ năm 2021 đến nay, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư cho 27 dự án, tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 4,333 tỷ USD *(trong đó có 16 dự án FDI, vốn đăng ký 489,91 triệu USD)*; dự kiến từ nay đến cuối năm 2025, thu hút khoảng 459,73 triệu USD[[17]](#endnote-17). Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất và Khu công nghiệp Quảng Phú đạt kết quả tích cực[[18]](#endnote-18).

Từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025[[19]](#endnote-19), tỉnh đã và đang triển khai theo đúng các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh; đã tập trung đầu tư khoảng 265 công trình, dự án[[20]](#endnote-20); dự kiến đến cuối năm 2025 sẽ hoàn thành 238/265 dự án, tạo tác động lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian đến.

**1.3. Văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên**

*1.3.1. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa; xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao đạt kết quả tích cực*

Xây dựng môi trường văn hóa và đời sống văn hóa trong mỗi gia đình, thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị được chú trọng. Nhiều giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp và di sản văn hoá được bảo tồn, phát huy. Chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá từng bước được nâng cao. Vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người được coi trọng, phát huy hơn. Đời sống văn hoá của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Các thiết chế văn hóa, thể thao[[21]](#endnote-21) ở cơ sở được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định công nhận 07 di sản văn hoá trong Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia[[22]](#endnote-22), quyết định xếp hạng di tích quốc gia 05 di tích lịch sử văn hoá[[23]](#endnote-23); trình Thủ tướng Chính phủ công nhận 01 di tích quốc gia đặc biệt (Di tích Văn hóa Sa Huỳnh). Đến năm 2025, ước có 92,55 % gia đình và 89,7% thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa. Đã chú trọng xây dựng con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện; phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của con người Quảng Ngãi.

Hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, giáo dục thể chất và thể thao trường học, thể thao chuyên nghiệp luôn được coi trọng, đẩy mạnh, góp phần tăng cường sức khỏe, lối sống lành mạnh cho Nhân dân. Thể thao thành tích cao[[24]](#endnote-24) đạt được một số kết quả tích cực. Đã thu hút một số tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, cung ứng dịch vụ thể dục, thể thao.

*1.3.2. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được chú trọng*

Ngành giáo dục và đào tạo tỉnh có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đạt được kết quả nổi bật[[25]](#endnote-25). Đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì vững chắc, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Giáo dục phổ thông chuyển hướng tích cực từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học. Giáo dục nhà trường, kết hợp giáo dục gia đình và giáo dục xã hội được chú trọng. Các phong trào thi đua học tập, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm thực hiện. Công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở có chuyển biến tích cực[[26]](#endnote-26). Phương pháp dạy - học và công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục được đổi mới theo hướng hiện đại, ngày càng thực chất, hiệu quả hơn. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản được chuẩn hoá, từng bước bảo đảm số lượng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được cải thiện, bước đầu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo. Đến năm 2025, chỉ tiêu trường đạt chuẩn đã vượt so với Nghị quyết đề ra[[27]](#endnote-27).

Đã tích cực triển khai, thực hiện các nghị quyết, đề án, chính sách của tỉnh về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng và các trường cao đẳng của tỉnh từng bước được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh và trung tâm chính trị các huyện ngày càng được quan tâm đầu tư đạt các tiêu chí về trường chuẩn, nâng cao chất lượng dạy và học.

*1.3.3. Phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền thông và báo chí; chuyển đổi số đạt được một số kết quả*

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường; tổ chức theo dõi, quản lý chặt chẽ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ [[28]](#endnote-28). Việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thúc đẩy sáng kiến, sáng tạo kỹ thuật đạt được kết quả tích cực[[29]](#endnote-29). Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có bước phát triển. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí tiếp tục được nâng lên, kịp thời thông tin trung thực, toàn diện đời sống chính trị, kinh tế - xã hội trên địa bàn, lan tỏa năng lượng tích cực, tạo đồng thuận và niềm tin xã hội trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Cơ hội tiếp cận thông tin của Nhân dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được bảo đảm. Công tác quản lý các loại hình thông tin trên Internet được tăng cường.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; đã ban hành Chỉ thị số 19-CT/TU và Nghị quyết số 13-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Các văn bản quy phạm về chuyển đổi số được quan tâm xây dựng, tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số; đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện và các sở, ngành; đã thành lập 1.141 Tổ công nghệ số cộng đồng. Đến nay, nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về chuyển đổi số được nâng lên, góp phần tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị trong triển khai thực hiện việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được triển khai thực hiện mạnh mẽ. Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đẩy mạnh. Hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số được quan tâm đầu tư phát triển. Thủ tục hành chính được chuẩn hóa, đơn giản hóa và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên thiết bị di động thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước. Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số dần được nâng lên. Kinh tế số, xã hội số từng bước phát triển, thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên các ngành, lĩnh vực, Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP hằng năm[[30]](#endnote-30) được nâng lên. An toàn thông tin mạng được chú trọng thực hiện.

*1.3.4. Phát triển sự nghiệp y tế đáp ứng tốt hơn việc bảo vệ, nâng cao sức khỏe, phòng bệnh, nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân được quan tâm đầu tư*

­Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được chú trọng. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư; đào tạo nguồn nhân lực y tế được chú trọng. Đã đầu tư, xây mới, nâng cấp và đưa vào sử dụng các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện (Khu khám bệnh Trung - Cao; Bệnh viện Đặng Thùy Trâm, Trung tâm kiểm soát dịch bệnh tỉnh,…); đã ứng dụng và chuyển giao nhiều kỹ thuật mới ở một số bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi). Năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên. Đã triển khai Đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử; hệ thống hội chẩn từ xa, kết nối giữa các bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện tuyến trung ương. Đội ngũ thầy thuốc và cán bộ, nhân viên y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Công tác dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng được thực hiện tốt hơn.

Y tế dự phòng được tăng cường, không để xảy ra dịch lớn. Đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cấp bách, phù hợp với diễn biến dịch bệnh Covid-19 ở từng giai đoạn và thực tiễn của tỉnh; mang lại những kết quả khá toàn diện trên cả phương diện công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội.

Ước đến hết năm 2025, có 06 huyện đạt chuẩn nông thôn mới/thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, có 161/170 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt 97,4%; có 9,24 bác sĩ và 32 giường bệnh trên 01 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế đạt 95,25% dân số, đạt và vượt kế hoạch[[31]](#endnote-31).

*1.3.5. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, nhất là ở các huyện miền núi đạt kết quả tích cực*

Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các đối tượng người có công, các chế độ chính sách, an sinh xã hội đã được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Nhiều quy định chính sách đối với người có công được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn; một số chính sách đặc thù của tỉnh được ban hành; cùng với chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Toàn dân chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”; đã hỗ trợ sửa chữa, xây mới 250 nhà ở cho người có công, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống người có công trên địa bàn tỉnh. Chính sách bảo trợ xã hội ngày càng mở rộng đối tượng cùng với mức trợ cấp tăng lên, cuộc sống của các đối tượng này ngày càng ổn định và tốt hơn.

Nhiều chính sách được triển khai để đảm bảo giải quyết việc làm cho người lao động, số người có việc làm tăng lên (bình quân mỗi năm đã giải quyết việc làm cho hơn 7000 - 10.000 lao động). Ước đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng 30,16%, tỷ lệ lao động qua đào tạo 65,94%, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 1,49%, đều vượt kế hoạch đề ra.

Công tác giảm nghèo luôn được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện đồng bộ, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội miền núi, công tác dân tộc. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,62%/năm; trong đó miền núi giảm bình quân 6,85%/năm, tăng trưởng kinh tế các huyện miền núi đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

**1.4. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng**

Công tác quản lý về tài nguyên, khoáng sản được tăng cường. Đất đai được quản lý theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đăng ký đất đai được thực hiện kịp thời. Nhiều địa phương đã hoàn thiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đồng bộ với Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia phục vụ kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm quan trắc tự động, liên tục và giám sát chặt chẽ nước thải từ các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, bệnh viện. Đến năm 2025, tỷ lệ dân cư đô thị được dùng nước sạch đạt 90%; tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn 65%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%. Công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai được quan tâm thực hiện, xây dựng các kịch bản, kế hoạch để chủ động ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt kết quả tích cực; đầu tư, xây dựng các công trình chống sạt lở, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển.

**2. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt kết quả rõ nét, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được nâng lên**

**2.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức được tăng cường**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu, học tập, quán triệt và nâng cao năng lực cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu của Đảng bộ tỉnh lần thứ XX phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, nâng cao nhận thức, trình độ chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên tuyền, kịp thời nắm bắt, định hướng, giải quyết các vấn đề tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phù hợp với tình hình mới, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

Tập trung lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII gắn với học tập Chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, các chuyên đề hằng năm của tỉnh về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự soi”, “tự sửa”, nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người cán bộ, đảng viên, góp phần khắc phục suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm.

Thực hiện tốt việc biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, một số mô hình có hiệu quả về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần lan tỏa trong toàn xã hội.

**2.2. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đạt kết quả quan trọng**

 Công tác sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị được tập trung thực hiện nghiêm túc; tổ chức tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về sắp xếp tổ chức bộ máy và ban hành Phương án tổng thể sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị của tỉnh, định hướng sắp xếp tổ chức, bộ máy cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi theo đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị "tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả". Kết thúc hoạt động của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; giải thể, sáp nhập, thành lập mới các cơ quan, đơn vị theo đúng chỉ đạo của Trung ương. Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy chế làm việc, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan. Thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính, giảm 03 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 202 thôn, tổ dân phố; qua 05 năm, đã tinh giản ... biên chế.

 Rà soát, bổ sung, ban hành mới một số quy định về cán bộ và công tác cán bộ phù hợp tình hình thực tế của tỉnh; phê duyệt Đề án vị trí việc làm của các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; quản lý chặt chẽ, thống nhất biên chế của hệ thống chính trị, tinh giản biên chế theo lộ trình gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm.

**2.3. Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đạt kết quả tích cực**

Đã kịp thời ban hành các văn bản triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên với những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp tình hình thực tế của tỉnh. Đã ban hành Quy chế làm việc mẫu của chi bộ thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện một số loại hình tổ chức cơ sở đảng, các nội dung chuyên đề về công tác phát triển đảng viên trong doanh nghiệp, học sinh, sinh viên, người theo tôn giáo. Triển khai nhiều đề án, phát động nhiều phong trào, mô hình mới về công tác tổ chức xây dựng đảng như: Mô hình “Dân tin - Đảng cử”; mô hình bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân, bí thư đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, bí thư cấp ủy là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; ứng dụng phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử; phân công cấp ủy tham gia sinh hoạt ở các tổ chức cơ sở đảng; phân công đảng viên ở cơ sở phụ trách hộ, nhóm hộ gia đình; tổ chức Giải Báo chí về xây dựng Đảng (Giải Búa liềm vàng) tỉnh Quảng Ngãi; đặc biệt thực hiện phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” đã tạo sự chuyển biến tích cực trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên. Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên; nhiều cấp ủy, chi bộ đã ban hành hướng dẫn nội dung sinh hoạt, ngày càng quan tâm đổi mới cả nội dung và hình thức sinh hoạt theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc thù của từng loại hình chi bộ. Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, đẩy mạnh phát triển đảng viên về số lượng và chất lượng, số lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đều tăng, trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 8.337 đảng viên (trong đó đã kết nạp được… đảng viên là học sinh, sinh viên), nâng tỷ lệ đảng viên so với dân số trong toàn tỉnh lên 4,6%; đồng thời, rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng[[32]](#endnote-32); chú trọng quản lý, giám sát đảng viên trên các nền tảng mạng xã hội. Công tác kiểm điểm tự phê bình, phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên ngày càng đi vào thực chất, khách quan, thiết thực hơn, từng bước khắc phục nể nang, bệnh thành tích.

**2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng**

*2.4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ*

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ được coi trọng. Cùng với việc cụ thể hóa, triển khai các nghị quyết và chỉ đạo của Trung ương về công tác cán bộ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều nghị quyết, đề án về phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng và phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm của cán bộ trong hệ thống chính trị. Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ; kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh, khắc phục những bất hợp lý, những thiếu sót trong thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

Công tác nhận xét, đánh giá cán bộđược thực hiện tốt hơn*,* có nhiều chuyển biến cả về nhận thức và cách làm. Kịp thời quy định cụ thể về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân cán bộ theo Bộ khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương. Nội dung, quy trình, phương pháp đánh giá cán bộ ngày càng được đổi mới, đi vào thực chất, đảm bảo theo yêu cầu bằng tiêu chí, sản phẩm cụ thể, có so sánh với các vị trí tương đồng,… đưa công tác nhận xét, đánh giá cán bộ dần đi vào nền nếp, dân chủ, khách quan và thực chất hơn, tạo tiền đề để thực hiện tốt các khâu khác trong công tác cán bộ.

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình, quy định; quan tâm đổi mới nội dung, cách làm, mở rộng dân chủ, công khai. Chất lượng quy hoạch cán bộ ngày càng được nâng lên, lấy quy hoạch cán bộ cấp dưới làm căn cứ cho việc xây dựng quy hoạch cán bộ cấp trên; cán bộ được quy hoạch đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, cơ cấu, độ tuổi và tính khả thi, bảo đảm sự kế thừa, chuyển tiếp giữa các thế hệ và thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch thường xuyên theo quy định nhằm chuẩn bị, tạo nguồn cán bộ cho các nhiệm kỳ tiếp theo.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Định kỳ hằng năm, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức trong cả hệ thống chính trị tỉnh. Ký kết hợp tác với Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Đà Nẵng để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong phạm vi, thẩm quyền quản lý; giao các cơ quan chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng; trong đó, chú trọng đào tạo về lý luận chính trị, bồi dưỡng theo chức danh, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh đã mở 135 lớp đào tạo, bồi dưỡng với 10.832 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia[[33]](#endnote-33).

Công tác bố trí sử dụng, bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện bảo đảm nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy định. Kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ; quy định phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử để triển khai thực hiện; phân định rõ trách nhiệm trong việc đề xuất, tham mưu, thẩm định và quyết định trong công tác cán bộ; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan hơn; góp phần kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Công tác điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện đồng bộ giữa luân chuyển để đào tạo, rèn luyện cán bộ với luân chuyển, điều động để thực hiện chủ trương bố trí cán bộ người đứng đầu một số cơ quan, địa phương không là người địa phương; từng bước khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín, trì trệ, quan liêu trong công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ. Việc thực hiện các nhiệm vụ trong công tác cán bộ đã bám sát với Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Về phát hiện, lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài; khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo vì lợi ích chung: Đã chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ; đã thu hút được 09 sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ về tỉnh công tác; trong đó, khối Đảng và đoàn thể là 02 công chức; khối chính quyền là 02 công chức và 05 viên chức. Đã ban hành Quy định và triển khai thực hiện chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung trong toàn tỉnh; quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao;…

Về miễn nhiệm, thay thế cán bộ bị kỷ luật, phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút: Đã ban hành hướng dẫn về thực hiện chủ trương của Trung ương về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, bố trí cán bộ sau khi bị kỷ luật, cho 06 cán bộ từ chức, miễn nhiệm; các cấp ủy chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, bảo đảm nguyên tắc, đúng thẩm quyền; xử lý đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật hành chính đối với cán bộ vi phạm, kể cả cán bộ đã nghỉ hưu; kịp thời thay thế cán bộ bị kỷ luật, năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, mất đoàn kết nội bộ, bố trí công tác phù hợp đối với cán bộ sau khi bị kỷ luật.

Về công tác cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số: Đã ban hành và triển khai thực hiện chủ trương mang tính đột phá của tỉnh về tạo nguồn và phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ nữ, trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số được các cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm chú trọng và có chuyển biến tích cực, chất lượng ngày càng được nâng cao, tạo sự đa dạng của nguồn cung cán bộ, tỷ lệ cán bộ nữ đạt …%, cán bộ trẻ đạt …%, cán bộ người dân tộc thiểu số đạt …%.

*2.4.2. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ*

Các cấp ủy, tổ chức đảng luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh. Công tác rà soát, thẩm tra, xác minh, thẩm định và kết luận về tiêu chuẩn chính được thực hiện nghiêm túc, kỹ lưỡng, đúng quy định đáp ứng yêu cầu cho công tác cán bộ. Thực hiện đảm bảo các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật Đảng.

*2.4.3. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ*

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ bảo đảm kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh. Tập trung đầu tư mới và kết hợp sử dụng trang thiết bị, nhân lực, phương tiện làm việc hiện có phục vụ tốt hơn yêu cầu khám, điều trị và quản lý, chăm sóc sức khoẻ ban đầu, thực hiện điều trị ngoại trú. Ban hành Đề án, chỉ đạo thể chế thành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ lão thành cách mạng; tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ và lưu giữ hồ sơ cho các đối tượng theo quy định. Theo dõi sức khỏe đối tượng là lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lược lượng vũ trang nhân dân… để kịp thời chăm sóc, hỗ trợ kinh phí chăm sóc sức khỏe thường xuyên theo quy định.

**2.5. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được tăng cường**

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, phù hợp với tình hình của tỉnh trong giai đoạn mới nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Kịp thời quán triệt, triển khai các quy định của Trung ương và rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản quan trọng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và phù hợp thực tiễn, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành: Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và giải quyết tố cáo của chi bộ; các quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Kế hoạch về luân chuyển cán bộ trong ngành kiểm tra Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2024 - 2025.

Việc xác định nội dung, đối tượng và phương pháp, quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng chặt chẽ hơn, bảo đảm phương châm “Giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm”; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát được nâng lên rõ rệt, kết quả đạt được khá toàn diện, giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát chuyên đề và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần tích cực vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc kê khai, công khai và kiểm soát việc kê khai tài sản nhằm phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực. Công tác phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán của Nhà nước, giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả, hạn chế sự chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Trong nhiệm kỳ, các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 5.406 lượt tổ chức đảng, 7.940 lượt đảng viên; giám sát 2.998 lượt tổ chức đảng, 4.782 lượt đảng viên; trong đó, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 86 lượt tổ chức đảng, 244 lượt đảng viên; thi hành kỷ luật 19 tổ chức đảng *(15 khiển trách và 04 cảnh cáo)*, 829 đảng viên *(601 khiển trách, 144 cảnh cáo, 13 cách chức và 71 khai trừ)*.

**2.6. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, góp phần tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa cấp ủy đảng, chính quyền với Nhân dân**

Các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở đã quan tâm lãnh đạo cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Trung ương về công tác dân vận thành các giải pháp để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh.

Cấp ủy, chính quyền các cấp từng bước đưa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; chú trọng bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, thật sự gần dân, trọng dân, tin dân và lắng nghe dân; phát huy dân chủ từ cơ sở; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường, mối quan hệ mật thiết giữa cấp ủy Đảng với Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Dân chủ trong Đảng bộ, trong các cơ quan hành chính, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan dân cử được mở rộng.

Tiếp tục phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy các cấp trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước đối thoại với người dân, doanh nghiệp để lắng nghe tâm tư, giải quyết kịp thời những bức xúc, phản ảnh, kiến nghị chính đáng của Nhân dân[[34]](#endnote-34). Bí thư Tỉnh ủy đã tổ chức 10 cuộc đối thoại, bí thư cấp ủy cấp huyện đã tổ chức được 203 cuộc đối thoại, bí thư cấp ủy cấp xã đã tổ chức được 2.024 cuộc đối thoại với dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới về phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội; làm tốt công tác vận động, tập hợp các tầng lớp Nhân dân, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyên vọng hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp Nhân dân.

Phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã trở thành hoạt động thường xuyên, ngày càng lan tỏa sâu rộng; động viên các tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân”, hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, xây dựng đô thị thông minh, ủng hộ đồng bào bị bão, lũ,... Công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo đạt nhiều kết quả, phát huy vai trò tuyên truyền, vận động quần chúng của lực lượng cốt cán, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

**2.7. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng tiếp tục được đổi mới; từng bước định hình rõ hơn nhận thức về quan điểm, nguyên tắc, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng**

Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 phù hợp với chủ trương, quy định của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, quy định chặt chẽ trách nhiệm, thẩm quyền, mối quan hệ công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy. Kịp thời chỉ đạo hoàn thành Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tiếp tục đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, xây dựng phong cách làm việc khoa học, dân chủ, bám sát thực tiễn, chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế, hướng dẫn… phù hợp với tình hình mới, vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan của hệ thống chính trị; triển khai ứng dụng Hệ thống phòng họp không giấy (e-Cabinet), Nền tảng Quản trị tổng thể trong hoạt động của các cơ quan đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy viên phụ trách địa bàn, lĩnh vực thường xuyên đi cơ sở, tổ chức làm việc với cơ sở, nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ, xử lý những khó khăn, bất cập, bức xúc, kiến nghị chính đáng ở địa phương, đơn vị.

**2.8. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền được nâng lên**

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, tích cực tham gia các hoạt động của Quốc hội, thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật và các vấn đề quan trọng của đất nước. Nâng cao hơn chất lượng, hiệu quả các cuộc tiếp xúc cử tri, tổng hợp các ý kiến cử tri và Nhân dân trong tỉnh, báo cáo các kỳ họp Quốc hội. Kiến nghị với các cơ quan Trung ương và các địa phương để giải quyết, xem xét nhiều vấn đề. Tổ chức tốt việc thực hiện giám sát ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Hội đồng nhân dân tỉnh và các cấp đã thực hiện tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động, nhất là trong việc tổ chức các kỳ họp, giám sát, chất vấn, trả lời chất vấn và ban hành các nghị quyết. Chất lượng hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều chuyển biến tích cực. Trong nhiệm kỳ đã tổ chức thành công ....... kỳ họp, thông qua ....... nghị quyết, đáp ứng và giải quyết các vấn đề có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và công tác cán bộ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh và ủy ban nhân dân các cấp đã tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, có nhiều cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, cải cách hành chính, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng như phát triển giáo dục, y tế, thực hiện công tác giảm nghèo, hoàn thiện đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, rà soát, sắp xếp bộ máy khối hành chính và khối sự nghiệp, tăng cường kỷ luật, kỷ cương để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình.

**3.** **Công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được chú trọng**

**3.1. Về công tác nội chính**

Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên; bảo đảm việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra tình trạng oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác thanh tra đã có nhiều chuyển biến tương đối toàn diện, thiết thực và ngày càng hiệu quả; kết quả công tác thanh tra hằng năm đều đạt và vượt so với năm trước trên các chỉ tiêu về số cuộc, tỷ lệ thu hồi tài sản thất thoát, sai phạm[[35]](#endnote-35). Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ngày càng đi vào nền nếp[[36]](#endnote-36). Các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh được tập trung giải quyết kịp thời [[37]](#endnote-37).

**3.2. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**

Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của tỉnh được thành lập đã góp phần lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực. Vai trò, trách nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu được nâng lên. Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai thường xuyên, liên tục. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các vấn đề nổi cộm, bức xúc trong xã hội. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế được tăng cường, xử lý nghiêm minh theo đúng quy định pháp luật.

**4. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại được tăng cường**

**4.1. Về công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh**

Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp. Khu vực phòng thủ tỉnh, huyện được xây dựng ngày vững chắc. Đầu tư cho quốc phòng, an ninh ngày càng tăng. Công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ, tuyển quân, bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng đều đạt kết quả tốt. Hằng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%. Hằng năm, đạt tỷ lệ trên 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt trung bình hơn 73,9%; trên 91% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự. Huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng nền biên phòng toàn dân vững mạnh. Xây dựng, huấn luyện và bảo đảm hoạt động cho Hải đội Dân quân thường trực. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo; chủ động nắm, dự báo, đánh giá tình hình, kịp thời giải quyết có hiệu quả các vấn đề xảy ra trên khu vực biên giới biển.

Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, sâu sát các chủ trương, giải pháp, biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia, nhất là tại các địa bàn, mục tiêu, tuyến, lĩnh vực, đối tượng trọng điểm. Chủ động trong công tác nắm, dự báo tình hình, xử lý, giải quyết ổn định các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, không để hình thành điểm nóng. Tập trung tấn công, trấn áp các loại tội phạm, số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm sâu[[38]](#endnote-38). Tập trung chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Triển khai quyết liệt các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; kiềm chế số vụ tai nạn giao thông[[39]](#endnote-39). Triển khai lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia phòng, chống khắc phục hậu quả sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

**4.2. Về công tác đối ngoại**

Công tác đối ngoại đạt được một số kết quả tích cực. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tham gia nhiều Diễn đàn, Hội nghị quốc tế nhằm tăng cường hoạt động ngoại giao kinh tế; công tác ngoại giao văn hóa và đối ngoại Nhân dân được tăng cường và có nhiều đổi mới. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã xúc tiến thiết lập và đẩy mạnh quan hệ hữu nghị hợp tác với Hàn Quốc, Nhật Bản; trao đổi cơ hội hợp tác với Hà Bắc, Trung Quốc; có khoảng 20 tổ chức phi chính phủ nước ngoài và 06 đối tác nước ngoài viện trợ tại tỉnh trên các lĩnh vực về y tế, giáo dục, đào tạo, giảm nghèo, thích ứng biến đổi khí hậu và viện trợ khẩn cấp với tổng giá trị viện trợ khoảng 14.188.172,7 USD với 156 chương trình, dự án, phi dự án. Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh[[40]](#endnote-40).

**II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Hạn chế, khuyết điểm**

**1.1. Về phát triển kinh tế - xã hội**

Kinh tế từng bước phục hồi sau đại dịch Covid-19 nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra.

Mặc dù công nghiệp tăng trưởng khá (11,3%) nhưng sản phẩm công nghiệp chế tạo, sản phẩm công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao còn hạn chế; công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển. Tiến độ thực hiện đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Nông nghiệp phát triển thiếu bền vững, còn manh mún, nhỏ lẻ. Thực hiện dồn điền, đổi thửa còn chậm; sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ còn hạn chế, phần lớn nông sản bán ra trên thị trường chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến nên giá trị gia tăng thấp. Phát triển lâm nghiệp chưa gắn với công nghiệp chế biến gỗ, chưa thu hút được nhiều người dân tham gia trồng cây gỗ lớn. Nuôi trồng thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa cao; kinh tế trang trại chậm phát triển; quy mô các cơ sở sản xuất trong các làng nghề còn nhỏ, năng lực canh tranh còn thấp; thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ logistics phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Du lịch chưa có sự chuyển biến rõ nét; doanh thu du lịch và giải quyết việc làm trong ngành du lịch chưa đạt mục tiêu đề ra[[41]](#endnote-41); sản phẩm du lịch chưa tạo được thương hiệu riêng, sức cạnh tranh thấp; đầu tư, kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng các khu, điểm du lịch còn hạn chế; chưa xây dựng, kết nối các tuyến, điểm du lịch; chưa thu hút đầu tư dự án du lịch đạt tiêu chuẩn 5 sao.

Việc thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa nhiều; thị trường bất động sản chậm phát triển, nguồn thu từ tiền sử dụng đất hạn chế. Hạ tầng giao thông, đô thị chưa đồng bộ; một số công trình giao thông, dự án quan trọng chậm tiến độ. Chưa triển khai thực hiện tốt các dự án đầu tư phát triển nhà ở xã hội. Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thích ứng với biến đối khí hậu. Hạ tầng thương mại, dịch vụ, nhất là vùng nông thôn, miền núi còn khó khăn. Hạ tầng chuyển đổi số chưa đồng bộ. Hạ tầng xã hội chậm phát triển, kêu gọi đầu tư trên các lĩnh vực về y tế, giáo dục, thể thao còn hạn chế.

Chưa phát huy tốt lợi thế, tiềm năng của từng địa phương và tính liên kết, hỗ trợ trong phát triển. Triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ở vùng miền núi hiệu quả chưa cao. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo chiều sâu chưa gắn với công nghiệp chế biến. Kết quả xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu không đạt mục tiêu đề ra và chênh lệch khá lớn giữa các vùng.

Vướng mắc về cơ chế thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất chưa được tháo gỡ kịp thời; việc giải quyết tồn tại, vướng mắc cho các dự án triển khai trên địa bàn tỉnh còn chậm, ảnh hưởng lớn đến việc đầu tư và thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển.

Quản lý đất đai ở một số địa phương chưa chặt chẽ, sử dụng đất sai mục đích, kém hiệu quả; tình trạng khai thác trái phép một số loại khoáng sản như đất, cát, sỏi,... vẫn còn diễn ra. Huy động nguồn lực đầu tư các dự án xử lý rác thải, chất thải còn hạn chế. Thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, không sử dụng túi ni lông chưa có sự chuyển biến tích cực.

Thực hiện liên kết vùng, nhất là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trong huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, chưa có sự chuyển biến rõ nét.

Phát triển văn hóa chưa đồng bộ, nhiều thiết chế văn hóa xuống cấp chậm được sửa chữa. Việc bảo tồn, phát huy, khai thác các giá trị văn hóa hiệu quả chưa cao, còn khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền trong tỉnh. Chất lượng giáo dục có mặt còn hạn chế; một bộ phận nhân lực quản lý và giảng dạy chưa đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục; định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh tuy có chuyển biến tích cực nhưng tính kết nối giữa đào tạo và giải quyết việc làm chưa hiệu quả. Nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh còn hạn chế, chưa thật sự là động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ chậm đổi mới; cơ sở vật chất và nhân lực khoa học, công nghệ còn mỏng, thiếu các trung tâm nghiên cứu phát triển; khả năng kết nối giữa nghiên cứu và áp dụng khoa học, công nghệ với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp còn hạn chế. Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác thông tin, truyền thông nhằm đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động chống phá, xử lý thông tin xấu độc trên không gian mạng còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Thực hiện chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực, hạ tầng và dân trí.

Chất lượng khám, chữa bệnh tuy có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Nhân lực có trình độ chuyên môn cao của ngành y tế vẫn còn thiếu, nhất là tại tuyến cơ sở. Thu hút đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao còn hạn chế, tình trạng quá tải ở một số bệnh viện tuyến tỉnh vẫn còn xảy ra. Tình trạng vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn có xu hướng tăng, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe người dân.

Giải quyết việc làm cho người lao động gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, một số doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, giảm lao động hoặc cho người lao động nghỉ không lương; công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài còn hạn chế... Thu nhập và đời sống dân cư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi còn thấp. Công tác giảm nghèo ở miền núi tuy đạt mục tiêu đề ra nhưng chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo đa chiều còn cao; đời sống của một phận người dân còn khó khăn.

**1.2. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội và giải quyết một số vấn đề bức xúc, nổi cộm có lúc còn bị động, chưa kịp thời. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có mặt còn hạn chế, bị động, lúng túng.

Một số khâu trong công tác tổ chức, cán bộ tiến hành chậm; quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý một số nơi chưa bảo đảm phương châm “động” và “mở”; tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, trẻ tuổi, dân tộc thiểu số còn thấp; còn trường hợp cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn chức danh và tiêu chuẩn ngạch theo quy định.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp chưa triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; chất lượng một số cuộc kiểm tra, giám sát còn thấp; một số cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự hoặc vi phạm những điều đảng viên không được làm đã ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác dân vận ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được chú trọng đúng mức, chưa gắn với nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị; thực hiện dân chủ ở cơ sở có lúc, có nơi còn hình thức. Vai trò cầu nối của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước ở một số địa phương, cơ sở chưa rõ; việc góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền hiệu quả chưa cao.

Công tác cụ thể hóa, quy định chi tiết theo thẩm quyền nhằm triển khai các văn bản luật, chỉ đạo của cấp trên tiến độ còn chậm. Số cuộc giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân còn ít. Một số kiến nghị của cử tri chưa được giải quyết dứt điểm. Hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn của Chính phủ, của các bộ, ngành liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện chưa được thay đổi đồng bộ; do đó, quá trình thực hiện còn gặp khó khăn, lúng túng, thiếu tính thống nhất chung. Kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và cải cách thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành, địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa thật sự đồng bộ, toàn diện, một số lĩnh vực, nội dung ở cấp huyện, xã chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

**1.3. Về công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**

Tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc diện cấp ủy theo dõi, chỉ đạo có một số nội dung còn chậm so với tiến độ đề ra. Số vụ việc sai phạm liên quan đến tham nhũng, tiêu cực được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra chưa nhiều. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn những hạn chế. Công tác tự kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao, chưa phát huy hết vai trò giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân trong cơ quan, đơn vị. Công tác cải cách tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn kinh phí, đội ngũ giám định viên phục vụ giám định tư pháp vẫn còn thiếu.

**1.4. Về quốc phòng, an ninh; đối ngoại**

Tình hình an ninh trật tự tại một số địa bàn còn tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định. Công tác nắm tình hình có lúc chưa kịp thời, chưa toàn diện. Tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao còn diễn biến phức tạp. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật đảng, nhà nước có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, quyết liệt. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa đồng đều; hiệu quả tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia đấu tranh, tố giác tội phạm ở một số nơi chưa cao.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế còn những hạn chế; chưa huy động các nguồn lực từ bên ngoài cho sự phát triển. Tình hình ngư dân và tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái phép tuy được kiểm soát ngăn chặn nhưng chưa bền vững, vẫn còn tàu cá của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ.

**2. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm**

**2.1. Nguyên nhân khách quan**

Tình hình kinh tế, chính trị thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại ở một số nước đã ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu. Trong những năm đầu nhiệm kỳ, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, hậu quả kéo dài; tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu; khó khăn từ các quy định của pháp luật còn nhiều bất cập nhưng chưa kịp thời sửa đổi; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội,… đã ảnh hưởng lớn đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị đề ra.

**2.2. Nguyên nhân chủ quan**

Năng lực dự báo và giải quyết, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại còn hạn chế. Khâu tổ chức thực hiện nhiệm vụ vẫn còn yếu. Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện và tháo gỡ các vướng mắc có lúc, có việc chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ, có trường hợp còn đùn đẩy trách nhiệm. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị chưa chủ động, thiếu sáng tạo trong chỉ đạo triển khai nhiệm vụ. Năng lực quản lý, điều hành của lãnh đạo ở một số địa phương, sở, ban, ngành chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Còn tình trạng e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thực hiện tốt trách nhiệm công vụ, chất lượng tham mưu thấp; chưa dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, vẫn còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

**III.** **ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1. Đánh giá chung**

Qua 5 năm, trong bối cảnh có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã đoàn kết, chung sức, chủ động và nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội XX đạt nhiều kết quả quan trọng. Mặc dù bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19, có 24/26 chỉ tiêu đạt và vượt so với Nghị quyết đề ra, trong có 22/24 chỉ tiêu kinh tế, xã hội đạt và vượt kế hoạch, kinh tế có bước tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Quy mô nền kinh tế đứng thứ 2/5 tỉnh tiểu vùng Trung bộ, đứng thứ 4/14 tỉnh trong Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ, đứng thứ 23/63 tỉnh, thành phố cả nước; huy động vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn vượt chỉ tiêu; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn vượt dự toán được giao. Bộ mặt đô thị, nông thôn có khiều khởi sắc. Văn hóa, xã hội đạt nhiều kết quả nổi bật; an sinh xã hội được thực hiện tốt hơn; công tác bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng; công tác giảm nghèo đạt kết quả rõ nét, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả quan trọng, triển khai thực hiện hiệu quả nhiều đề án, mô hình, phong trào về công tác tổ chức xây dựng đảng như: Mô hình “Dân tin - Đảng cử”; phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, phát triển đảng viên vượt chỉ tiêu đề ra, đứng thứ ..../14 tỉnh khu vực và .../63 tỉnh so với cả nước. Việc đổi mới, nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, phát huy vai trò của các tầng lớp Nhân dân tạo sự đồng thuận xã hội ngày càng được khẳng định.

Những khó khăn, tồn tại, hạn chế đã được nhận diện trên các lĩnh vực cần có sự quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong việc khắc phục để phát huy tiềm lực, tiếp tục đưa kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh trong nhiệm kỳ đến đạt được kết quả tốt hơn.

**2. Bài học kinh nghiệm**

Từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ qua, rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

(1) Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền. Giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân, khơi dậy niềm tự hào về truyền thống lịch sử, cách mạng của quê hương, ý chí, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và Nhân dân toàn tỉnh.

(2) Chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ đối với hệ thống chính trị, bảo đảm khoa học, dân chủ, sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện của Đảng trong giai đoạn mới.Bám sát Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quy chế làm việc, Chương trình công tác toàn khóa, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi phù hợp, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành khoa học, hợp lý; đồng thời, luôn chủ động nghiên cứu, nắm bắt tình hình, bổ sung, điều chỉnh kịp thời những vấn đề mới phát sinh, bảo đảm phù hợp với các quy định, hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương để triển khai hiệu quả, đồng bộ nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh đề ra. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

(3) Xác định công tác cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị;tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực, trách nhiệm đối với sự phát triển của tỉnh và các địa phương. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị; nâng cao năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng.

(4) Khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để tập trung cho sự phát triển. Quan tâm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở sự phát triển của tỉnh.

(5) Tăng cường mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, gần dân, lắng nghe dân, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở. Giữ vững sự ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở. Luôn chú trọng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chủ động phòng ngừa sai phạm; lấy xây là chính, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, giải quyết sớm các vi phạm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

**Phần thứ hai**

**QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

Dự báo trong nhiệm kỳ 2025 - 2030, đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thời cơ và thuận lợi cơ bản khi các hiệp định thương mại giữa Việt Nam và các nước tạo cơ hội cho thu hút các nguồn vốn, công nghệ, cơ hội về thị trườngxuất khẩu. Đặc biệt, những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển; cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương và khát vọng vươn lên của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh là những yếu tố thuận lợi thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của tỉnh; tỉnh ta cũng có những thời cơ và thuận lợi cơ bản: Tiềm năng phát triển ở các ngành, lĩnh vực, địa phương còn lớn, nhất là kinh tế biển, đảo; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung (điều chỉnh) xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;... tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư lớn vào tỉnh; cùng với nhiều dự án trọng điểm của tỉnh được hoàn thành và đi vào hoạt động sẽ tạo tác động lan tỏa lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian đến.

Tuy nhiên, tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường; suy thoái ở một số nền kinh tế lớn có thể xảy ra, những vấn đề trên Biển Đông sẽ còn diễn biến phức tạp, kéo dài. Trong tỉnh, những khó khăn, thách thức, cùng với những hạn chế, khó khăn nội tại của tỉnh đã chỉ ra trong nhiệm kỳ qua, nhất là chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực còn chậm; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu, năng lực khoa học - công nghệ, chuyển đổi số còn hạn chế; môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện chậm; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; chất lượng nguồn nhân lực thấp, năng lực, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế; trong nước, với độ mở của nền kinh tế nước ta cũng sẽ chịu tác động của tình hình kinh tế thế giới là những khó khăn, thách thức lớn đối với sự phát triển của tỉnh trong thời gian đến.

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

**1.** Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

**2.** Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

**3.** Khơi dậy khát vọng, ý chí tự lực, tự cường; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, chung sức đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển. Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng để khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, thu hút, trọng dụng nhân tài là đột phá phát triển. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, xác định rõ trách nhiệm; phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao khả năng tự chủ, tự cường của các địa phương.

**4.** Phát triển kinh tế - xã hội với định hướng tăng trưởng xanh, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển kinh tế - xã hội miền núi; tăng cường liên kết vùng;... Khơi thông các điểm nghẽn;huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các vùng động lực, các nhiệm vụ đột phánhằm tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

**5.** Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, lấy văn hóa, con người là mục tiêu, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, gắn kết chặt chẽ, hài hòa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu và thường xuyên để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

**II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát:** Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đoàn kết; đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tập trung 6 vùng không gian kinh tế động lực và 4 hành lang kinh tế chiến lược với định hướng tăng trưởng xanh; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá của cả nước.

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

**2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế**

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân 7,5 -8,5%/năm; phấn đấu đạt trên 8,5%.

(2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân hàng năm 7,0 - 8,0%.

(3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 7.700-7.900 USD.

(4) Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 73 - 74%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 45-46%.*

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP ***(chỉ tiêu mới so với Nghị quyết Đại hội XX)*** đạt tối thiểu 30%.

(6) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 260.000 tỷ đồng.

(7) Phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao trên 5%.

**2.2 Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội**

(1) Đến năm 2030, có 131 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới, 66 xã nông thôn mới nâng cao, 06 xã nông thôn mới kiểu mẫu; có 08 huyện đạt chuẩn/hoàn thành xây dựng nông thôn mới, có 01 huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới nâng cao; trong đó, tỷ lệ trên 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trên 50% nông thôn mới nâng cao, 4,5% nông thôn mới kiểu mẫu.

(2) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn dưới 28%.

(3) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 76%,

(4) Đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,0%.

(5) Đến năm 2030, có ít nhất 80% trường mầm non, 89% trường tiểu học, 92% trường trung học cơ sở, 41% trường tiểu học - trung học cơ sở, 79% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(6) Đến năm 2030, có 11 bác sĩ, 36 giường bệnh (không tính trạm y tế xã) trên 01 vạn dân.

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% dân số.

(8) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,5 -1%/năm.

(9) Thu nhập bình quân đầu người *(giá hiện hành)* tăng bình quân 7 - 10%/năm ***(giữ nguyên như NQ ĐH XX).***

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn trên 80%.

(12) Đến năm 2030, có 6.300 căn nhà ở xã hội hoàn thành ***(chỉ tiêu mới so với NQ ĐH XX).***

**2.3. Các chỉ tiêu về môi trường - đô thị**

(1) Đến năm 2030, ít nhất 98% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

(2) Đến năm 2030, 100% chất thải y tế được xử lý.

(3) Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 52%.

(4) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%.

**2.4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh**

(1) Hằng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng **70%.**

(2) Hằng năm, có ít nhất 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

**2.5. Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

(1) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3 - 4% tổng số đảng viên; phấn đấu thành lập tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở khu vực ngoài nhà nước năm sau cao hơn năm trước ***(chỉ tiêu mới so với Nghị quyết Đại hội XX)****.*

(2) Hoàn thành 100% nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo quy định và chỉ tiêu Trung ương giao ***(chỉ tiêu mới so với Nghị quyết Đại hội XX)***.

**III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ**

**1. Phát triển kinh tế - xã hội**

**1.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển theo định hướng tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng**

*1.1.1. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế*

Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn dựa vào phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát huy vai trò của các vùng động lực, các hành lang kinh tế, các trung tâm đô thị lớn để thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Quy hoạch và quản lý chặt chẽ các quy hoạch; xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, tạo các vùng không gian kinh tế động lực phù hợp với đặc trưng từng vùng, khai thác không gian phát triển mới trên cơ sở 6 vùng không gian kinh tế động lực (Vùng kinh tế động lực Cụm đô thị và Trung tâm dịch vụ; Vùng động lực công nghiệp của tỉnh; Vùng kinh tế sinh thái biển; Vùng kinh tế rừng xanh; Vùng kinh tế nông nghiệp; Vùng kinh tế biển, đảo), 4 hành lang kinh tế chiến lược (Hành lang kinh tế Bắc Nam; Hành lang kinh tế Đông Tây phía Bắc; Hành lang kinh tế Đông Tây phía Nam; Hành lang kinh tế kết nối nội vùng dọc tỉnh lộ 622, 626 và 24B kết nối từ Trà Bồng đến Ba Tơ) và 3 trung tâm đô thị gắn với công nghiệp và kinh tế biển tạo động lực phát triển (Đô thị trung tâm, với thành phố Quảng Ngãi là hạt nhân; Trung tâm đô thị phía Bắc, với thị xã Bình Sơn là hạt nhân; Trung tâm đô thị phía Nam, với thị xã Đức phổ là hạt nhân) được xác định trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đã ban hành và ban hành mới các cơ chế, chính sách, nhất là các cơ chế, chính sách để phát triển các mô hình kinh tế mới (như: kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,....), tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các ngành, lĩnh vực để huy động các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

*1.1.2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu*

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu.Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, thu thút một số dự án công nghiệp quy mô lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển mạnh công nghiệp lọc hóa dầu và sau lọc hóa dầu, luyện kim và chế tạo cơ khí; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và thân thiện với môi trường như: công nghiệp cơ khí, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, điện gió, điện khí, điện tử, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp sinh học, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành Trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực duyên hải Trung Bộ và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Nghiên cứu thành lập các khu công nghiệp ở những nơi có điều kiện theo quy hoạch. Đẩy mạnh huy động đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối và hệ thống xử lý chất thải. Định hướng phát triển Khu Công nghiệp VSIP II là khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút đầu tư các ngành có hàm lượng công nghệ cao gắn với chuyển đổi số, thân thiện môi trường, nâng cao năng suất, có giá trị gia tăng cao.

Hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển công nghiệp tỉnh như dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, VSIP 2, các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III,…. Phấn đấu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng bình quân từ ...%/năm; trong đó công nghiệp tăng bình quân ...%/năm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP.

*1.1.3. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch*

Tiếp tục phát triển mạnh các ngành dịch vụ phục vụ đời sống người dân như: văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, môi trường…; khuyến khích phát triển các dịch vụ: khoa học và công nghệ; tài chính; viễn thông; công nghệ thông tin; tư vấn pháp lý; tư vấn khởi nghiệp và các dịch vụ mới của nền kinh tế số.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, phát triển thương mại điện tử, phổ cập các loại hình thương mại mới, áp dụng công nghệ cao để dần thay thế các loại hình thương mại truyền thống kém hiệu quả. Thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ tổng hợp, siêu thị, trung tâm thương mại và chợ tại các vùng đô thị và ven biển có khu du lịch phát triển. Phát triển hệ thống phân phối hàng hóa qua nền tảng số; tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức bán buôn và bán lẻ phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng địa phương. Thu hút đầu tư phát triển hệ thống logistics hợp lý đường bộ, đường thủy, khai thác thế mạnh cảng nước sâu Dung Quất gắn với logistics. Phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải biển gắn với phát triển Khu kinh tế Dung Quất. Phấn đấu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ từ .... %/năm; tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm ....% trong GRDP.

Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, với hạt nhân Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, di tích quốc gia đặc biệt văn hóa Sa Huỳnh và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, con người Quảng Ngãi. Khai thác hiệu quả các sản phẩm du lịch như du lịch biển, đảo, núi rừng, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, tâm linh, nghỉ dưỡng,... thúc đẩy liên kết, hình thành các khu, điểm du lịch những nơi có tiềm năng; phát triển khu du lịch Mỹ Khê sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia; kêu gọi nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh và huyện đảo Lý Sơn, xây dựng thương hiệu du lịch Quảng Ngãi. Tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch.

*1.1.4. Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng*

Chuyển mạnh tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn với nhu cầu thị trường. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp; tích tụ, tập trung đất đai;chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, quy mô lớn như các khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp theo hướng sinh thái, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường, thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong nông nghiệp, bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản. Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn; có chính sách đẩy mạnh trồng cây gỗ lớn, lâu năm, cây dược liệu, tăng độ che phủ rừng, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn để phát triển kinh tế rừng, phát triển thị trường tín chỉ các - bon từ rừng. Khai thác hiệu quả tiềm năng để phát triển thủy sản; phát triển hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản; nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ, tiếp tục phát huy hiệu quả các nghiệp đoàn nghề cá; đẩy mạnh đầu tư, thu hút đầu tư phát triển dịch vụ nghề cá.

Đổi mới phương thức quản trị, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã nhằm xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất nông nghiệp, nhân rộng các chuỗi liên kết có hiệu quả;; thúc đẩy hỗ trợ trong sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, chế biến và kết nối tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến sâu để nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Tập trung ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời, có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển lĩnh vực nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản; xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

*1.1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới*

Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là hạ tầng có liên quan đến đầu tư và sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đến đời sống và sản xuất của người dân; ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, tạo động lực để phát triển. Tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện và sớm đưa vào sử dụng Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn (Bình Định); phối hợp thực hiện đạt kết quả tốt nhất trong triển khai dự án Đường sắt tốc độ cao; tiếp tục đầu tư để xây dựng các cảng biển trở thành điểm trung chuyển quốc tế gắn với Trung tâm logistic cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch; Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các địa phương sớm triển khai tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; nâng cấp Quốc lộ 24 nhằm tăng tính kết nối giữa Quảng Ngãi với Kon Tum và các tỉnh Tây Nguyên; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh. Đẩy mạnh hạ tầng kết nối sân bay Chu Lai và nghiên cứu phát triển cảng hàng không, sân bay tại huyện đảo Lý Sơn khi bảo đảm các điều kiện... Tăng cường liên kết với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện theo quy hoạch, trong đó tập trung đầu tư hoàn thành các tuyến giao thông đã được phê duyệt; bảo đảm tính kết nối lưu thông giữa các địa phương trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên nguồn lực để hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung. Nâng cấp trường lớp học, các cơ sở y tế, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng khó khăn. Huy động các nguồn lực trong xã hội để tu bổ, tôn tạo các công trình văn hóa, di tích lịch sử. Đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối. Nâng cấp hệ thống đê kè sông, biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão gắn với phòng chống thiên tai. Đầu tư và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông bảo đảm đủ trường, lớp học, nhất là ở các khu vực đông dân cư và miền núi. Quan tâm đầu tư phát triển hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; đầu tư, nâng cấp các bệnh viện công,... bảo đảm tiêu chuẩn; đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, kêu gọi đầu tư phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, chuyên sâu để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân trong tỉnh. Đầu tư nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao, đầu tư Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh tại phía Đông thành phố Quảng Ngãi, Khu liên hợp thể dục thể thao tiêu chuẩn cấp vùng tại huyện Bình Sơn, Bảo tàng lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa tại huyện Lý Sơn với lộ trình phù hợp. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, ưu tiên đầu tư hiện đại hóa hạ tầng số để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện trong các ngành, lĩnh vực.

Nâng cao tỷ lệ đô thị hóa ở khu vực thành phố, thị xã và những nơi có điều kiện. Tập trung phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; định hướng phát triển một số đô thị động lực: Thành phố Quảng Ngãi đô thị trung tâm; Đức Phổ - Văn hóa Sa Huỳnh và Du lịch biển; Bình Sơn đô thị công nghiệp, trung tâm Logistic; Khu đô dịch vụ Đông Nam Dung Quất và phát triển Khu kinh tế Dung Quất là tổ hợp quy mô về công nghiệp - dịch vụ - đô thị; tập trung đầu tư và kêu gọi đầu tư các hạ tầng quan trọng tại các đô thị động lực. Xây dựng Đề án phát triển đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi; trong đó, xây dựng tuyến tránh phía Tây thành phố Quảng Ngãi để thay thế cho Quốc lộ 1 hiện hữu;Quy hoạch phát triển đô thị phát triển cảnh quan đô thị dọc 2 bên sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi; ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, ven sông, đô thị miền núi, đảo Lý Sơn. Phát huy vai trò của các đô thị để tăng tính liên kết và hiệu quả phát triển vùng. Phấn đấu đến năm 2030, thành phố Quảng Ngãi đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I; thị xã Đức Phổ và Bình Sơn đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III; Lý Sơn đạt đô thị loại IV; các đô thị còn lại đạt tiêu chí đô thị loại V.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Quy hoạch phân bố dân cư phù hợp với truyền thống văn hóa, dân tộc, môi trường sinh thái của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; tăng đầu tư ngân sách nhà nước và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị và giữa các vùng trong tỉnh.

*1.1.6. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh*

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong cải cách thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với chuyển đổi số, nâng cao thứ hạng các chỉ số: Cải cách hành chính (PAR INDEX), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chuyển đổi số (DTI) và Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII), tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.

Bảo đảm điều hành thực hiện tốt các quy định, quản lý chặt chẽ, hiệu quả thu chi ngân sách, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng, công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; chú trọng thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Mở rộng đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong đầu tư, kinh doanh, mở rộng sản xuất và phát triển thị trường.

**1.2. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân**

1.2.1. *Tiếp tục phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững*

Xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa; tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hoá tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Tăng cường giáo dục thẩm mỹ, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng xã hội cho các tầng lớp Nhân dân; đề cao các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình; có cơ chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, hình thành nhân cách, đạo đức, lòng yêu nước, khát vọng phát triển và kỹ năng ứng xử xã hội văn minh của thanh thiếu nhi; chú trọng phục hồi, bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn và phát huy di sản văn hoá các dân tộc thiểu số; bảo vệ, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, đạo lý, đoàn kết, nghĩa tình, tinh thần tương thân, tương ái của con người Quảng Ngãi. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với phát triển xã hội số, nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, các tác phẩm văn học - nghệ thuật; đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng và nâng cao hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng Công viên Thiên Bút, Bảo tàng và Thư viện tỉnh thành tổ hợp thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững..**.** Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác văn hóa đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới.

Tăng cường giáo dục thể chất và thể thao trường học; phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao để nâng cao thể lực, sức khỏe, chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

*1.2.2. Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả, thực chất giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao*

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học và giáo dục thường xuyên; tập trung đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dạy và người học. Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của học sinh, sinh viên.

Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo trong giai đoạn mới; nghiên cứu cơ chế, chính sách điều động, luân chuyển giáo viên giữa các địa phương để giải quyết căn bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ và nâng cao chất lượng giáo dục cho các vùng khó khăn. Nâng cao chất lượng đào tạo của Đại học Phạm Văn Đồng gắn với định hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học quốc gia.Nghiên cứu có cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động để có định hướng đào tạo nghề phù hợp gắn với giải quyết việc làm; đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề cao ở những ngành, lĩnh vực ưu tiên; chú trọng bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với từng lĩnh vực, ngành nghề. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo;khuyến khích phát triển các nền tảng dạy và học trực tuyến, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Đầu tư kiên cố hoá trường học, lớp học và bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá đạt 100%.

*1.2.3. Đột phát phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*

Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tăng đầu tư ngân sách và đẩy mạnh xã hội hóa thu hút nguồn vốn của khu vực tư nhân cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; hình thành những động lực mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ gắn với chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong các ngành, lĩnh vực thúc đẩy tăng trưởng xanh; khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên; phát triển tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ chuyển giao công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, từng bước nắm bắt và làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Ưu tiên tập trung nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục tăng cường và đẩy mạnh thực hiện tiến trình chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, thực chất, bền vững trên tất cả các lĩnh vực. Xây dựng và hoàn thiện thể chế hoạt động trên môi trường số cả cơ quan Đảng và Nhà nước; phát triển các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung trong một số lĩnh vực; phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; tập trung ưu tiên chuyển đổi số trong một số lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường, đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp; thúc đẩy, hỗ trợ từng bước hình thành và phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

Đào tạo, bồi dưỡng cập nhật cho đội ngũ cán bộ, công chức về kiến thức, kỹ năng công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số, chủ động thích ứng với chuyển đổi số. Đẩy nhanh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị.Chú trọng tạo lập, củng cố niềm tin vào tiến trình chuyển đổi số, bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội; chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật trên các nền tảng số. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin mạng.

*1.2.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân*

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế dự phòng và y tế cơ sở; tập trung đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh; khuyến khích y tế tư nhân phát triển; phấn đấu 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh ở các tuyến, đặc biệt là tuyến cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là vùng miền núi, vùng xa. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ trong các bệnh viện công lập, cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm giữa các cơ sở khám, chữa bệnh. Tăng cường kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân trong tỉnh.

Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng và chất lượng; có chính sách thu hút nguồn nhân lực y tế, khuyến khích y, bác sĩ có năng lực chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, chủ động kiểm soát và ứng phó với các dịch bệnh. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95,5% dân số. Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển, quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

*1.2.5. Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững*

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội, trợ cấp xã hội. Chú trọng công tác chăm sóc, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng; khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa". Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống đối với các đối tượng yếu thế, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt; bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ phát triển toàn diện; hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật. Bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội.

Phát triển thị trường lao động gắn với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Xây dựng cơ sở dữ liệu người trong độ tuổi lao động ở các địa phương, nhất là khu vực miền núi; làm cơ sở thực hiện chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu và đào tạo, nâng cao tay nghề, chất lượng lao động đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, tạo nguồn lao động và thúc đẩy giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế.

Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; chú trọng phát triển đa dạng hóa các hình thức bảo hiểm xã hội trong lực lượng lao động, thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp để bảo đảm an sinh xã hội. Hỗ trợ thanh niên giải quyết việc làm, khởi nghiệp sáng tạo.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, năng lực cụ thể hóa thực hiện các chính sách sát với tình hình thực tế tại địa phương; tăng cường công tác phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan chức năng cấp tỉnh trong việc hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương về công tác giảm nghèo; chú trọng chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí vùng miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận các tư liệu sản xuất để tích cực tham gia lao động sản xuất, giảm nghèo bền vững. Có chính sách đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi và cơ chế khuyến khích trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn để sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển ở địa phương, rút ngắn khoảng cách vùng miền. Phấn đấu đến năm 2030, hai huyện Sơn Tây và Trà Bồng đạt đủ tiêu chí xác định huyện thoát nghèo; tỷ lệ giảm nghèo bình quân toàn tỉnh ...%, trong đó miền núi ...%.

**1.3. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu**

Rà soát, bổ sung và ban hành các quy định để đảm bảo quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, bờ biển. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai; khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án, kiên quyết xử lý, thu hồi các dự án chậm sử dụng đất theo quy định, không để tình trạng dự án “treo”, lãng phí tài nguyên đất đai.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Tăng tỷ lệ cây xanh trong các đô thị nhằm giảm tác động của nhiệt độ cao trong môi trường đô thị, nhất là các đô thị trung tâm của tỉnh; phấn đấu đến năm 2030, diện tích cây xanh đạt 8 - 10 m2/người dân đô thị. Tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, đặc biệt là xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ngăn ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp. Tạo sự chuyển biến tích cực trong ý thức, văn hóa người dân về bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp; đẩy mạnh thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” đi vào chiều sâu, trước hết là trong các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và nhân rộng trong trường học, xã hội, tiến đến không sử dụng túi ni lông để bảo vệ môi trường và sức khỏe của Nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai. Tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa; chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi; chú trọng công tác di dời, tái định cư cho người dân ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Chủ động chuyển đổi cơ cấu các ngành, lĩnh vực để thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ngành nông nghiệp.

**2. Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện**

**2.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức**

Tiếp tục đổi mới việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận chính trị, đạo đức cách mạng, truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương, đất nước. Kiên định và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của cấp ủy đảng; tiếp tục nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ, tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ. Tập trung nâng cao năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ động, thường xuyên công tác tư tưởng, hướng mạnh về cơ sở, tăng cường đối thoại, gắn chặt với nhiệm vụ chính trị, đời sống xã hội, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ động, kịp thời ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, chống “diễn biến hòa bình”, thông tin xấu, độc trên môi trường mạng Internet. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo và gắn lý luận với thực tiễn của tỉnh. Chú trọng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo, tầm nhìn chiến lược; kiên trì quan điểm phát triển, phương hướng trong thời gian tới, lấy hạnh phúc của Nhân dân và mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh để đề ra chủ trương, định hướng phát triển đúng đắn, đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức gắn với tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nâng cao hơn nữa nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên; thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tu dưỡng, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên gắn với thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao cũng như trong đời sống hằng ngày. Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các quy định về trách nhiệm nêu gương, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; kết hợp giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, “chống” là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, thường xuyên. Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng việc làm cụ thể hằng ngày, bằng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, tạo sự lan tỏa sâu rộng, tích cực trong toàn Đảng bộ và toàn xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; nêu cao vai trò, trách nhiệm và sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên; kiểm soát, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi lệch chuẩn, sai phạm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ.

**2.2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị**

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế theo vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo chủ trương của Trung ương, phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh. Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trực thuộc, trung gian, giảm số lượng cấp phó. Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, thực hiện nghiêm chủ trương của Trung ương, của tỉnh về công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh. Hoàn thiện danh mục vụ trí việc làm và khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị tỉnh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế.

**2.3. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên**

Xây dựng, hoàn thiện tổ chức đảng phù hợp, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Hoàn thiện quy chế làm việc và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với điều kiện của tỉnh và yêu cầu, nhiệm vụ mới; thực hiện mô hình tổ chức đảng cấp tỉnh, cấp xã theo chủ trương của Trung ương. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong hoạt động và sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ.

Thực hiện hiệu quả phong trào xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”,tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, các chi bộ vững mạnh, có tính chiến đấu cao, có năng lực đưa nghị quyết vào cuộc sống, đảm bảo hoạt động của chi bộ một cách thực chất, đảng viên thực sự là các “tế bào” của Đảng. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp sinh hoạt trên phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử gắn với nhiệm vụ, quyền hạn của đảng viên. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá tổ chức đảng, đảng viên, khắc phục tình trạng hình thức trong đánh giá, xếp loại hằng năm.

Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong tạo nguồn phát triển đảng viên; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú, trong đó quan tâm phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên, người theo tôn giáo, khu vực ngoài nhà nước. Tăng cường giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy.

**2.4. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ**

Bảo đảm thực hiện thống nhất Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác cán bộ. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, trí tuệ, có tầm nhìn, có năng lực cụ thể hóa trong tổ chức thực hiện, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo và dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, ngang tầm nhiệm vụ và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết. Có giải pháp hữu hiệu để khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trên cơ sở phân định rõ người dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung với người phiêu lưu, liều lĩnh, viển vông, không thực tế; bảo vệ đối với những trường hợp nguy cơ rủi ro, sai sót từ sớm, ngay khi có kế hoạch, không để nhụt chí. Có giải pháp hiệu quả thu hút và trọng dụng nhân tài vào làm việc trong bộ máy hệ thống chính trị tỉnh; tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ; tăng cường cán bộ cho cấp huyện, cấp cơ sở, các địa bàn khó khăn, trọng yếu, nơi triển khai mô hình mới để thử thách, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo toàn diện của cán bộ. Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, đề án, kế hoạch, quy định về công tác cán bộ; quan tâm phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; đổi mới các khâu trong công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ đảm bảo tính liên tục, kế thừa và phát triển, coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tiếp tục đổi mới phương pháp đánh giá, nhận xét, coi trọng đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém về năng lực, đạo đức, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Cơ bản thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng Nhân dân cấp huyện, cấp xã; bí thư cấp ủy không phải là người địa phương gắn với việc sử dung, bố trí hài hòa nguồn cán bộ tại chỗ trong quy hoạch; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận. Thực hiện bố trí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban Nhân dân cấp huyện, cấp xã ở những nơi đủ điều kiện.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ bảo đảm theo yêu cầu, hướng dẫn của Trung ương. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nghiêm túc, chặt chẽ, kỹ lưỡng công tác rà soát, thẩm tra, xác minh, nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay. Tăng cường bảo mật thông tin, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước; ngăn chặn, xử lý nghiêm cán bộ vi phạm kỷ luật phát ngôn.

**2.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng**

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện hiệu quả Chiến lược kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030. Tiếp tục rà soát, ban hành các văn bản kiểm tra, giám sát và kỷ luật bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Tăng cường vai trò, trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực; những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội và có nhiều khiếu kiện kéo dài… Chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, kịp thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm, vi phạm lớn. Chú trọng giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát.

**2.6. Phát huy truyền thống đoàn kết, tạo sự đồng thuận xã hội, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội**

Kịp thời triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân vận và vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, phát huy quyền làm chủ thực sự của Nhân dân trong xây dựng Đảng thông qua thực hiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong hệ thống chính trị.

 Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động), đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, công tác chuyển đổi số, các cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, giữ vững quốc phòng, an ninh.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở bảo đảm đồng bộ, hiệu quả; công tác dân vận chính quyền, công tác dân vận của lực lượng vũ trang; phát huy mọi tiềm năng, trí tuệ trong Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo; tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo; nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý điểm nóng. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân.

**2.7. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng**

Đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên các mặt công tác, đáp ứng yêu cầu trong điều kiện tình hình mới. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng đường lối, chủ trương và tuyên truyền, vận động, nâng cao năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng.

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng đoàn kết, thống nhất, kỷ luật trong Đảng; phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ. Lãnh đạo rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy trình; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát; không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo, quản lý. Nâng cao vai trò nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Kiểm soát chặt chẽ quyền lực, khơi thông các điểm nghẽn, phân bổ các nguồn lực hợp lý, tạo động lực mới cho sự phát triển.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, đi đầu là các cơ quan Đảng, nhất là sử dụng hiệu quả nền tảng Quản trị tổng thể trong hoạt động cơ quan đảng, hướng đến ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp ủy đảng gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, hiệu quả của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, củng cố tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

**2.8. Xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động**

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp. Tăng cường gắn bó giữa đại biểu với cử tri, tập hợp trí tuệ của cử tri và Nhân dân để đóng góp cho Quốc hội trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tăng cường giám sát các nghị quyết của Quốc hội tại địa phương.

Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của HĐND các cấp, trọng tâm là việc ban hành các nghị quyết, các cơ chế, chính sách và giám sát việc thực hiện trên địa bàn tỉnh, phối hợp thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình của HĐND, UBND; tăng cường giám sát những vấn đề cụ thể được cử tri và Nhân dân quan tâm; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban HĐND, đại biểu HĐND; nâng cao chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri.

Tiếp tục sắp xếp, xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đối với các cơ quan, tổ chức theo quy định mới của Trung ương. Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực gắn với chuyển đổi số. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số nhằm xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, lấy sự hài lòng của người dân làm mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

**3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác nội chính; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí, tiêu cực**

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; tiếp dân, đối thoại với dân và xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, kiên trì xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tăng cường kiểm soát quyền lực, giám sát việc thực thi quyền lực. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đẩy mạnh phòng, chống lãng phí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể có hành vi, việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản công theo tinh thần “xử lý một vụ cảnh tỉnh cả vùng, cả lĩnh vực”. Rà soát, bổ sung các quy định về cơ chế quản lý, các định mức kinh tế - kỹ thuật không còn phù hợp với thực tiễn phát triển. Hoàn thiện các quy định xử lý hành vi lãng phí; các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; thể chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo sự đồng bộ trong chuyển đổi để giảm thiểu lãng phí. Rà soát, giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn. Xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”.

**4. Về quốc phòng, an ninh; đối ngoại**

**4.1. Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội**

Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh Nhân dân, thế trận an ninh Nhân dân, trên cơ sở xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, toàn dân tích cực tham gia bảo vệ an ninh, trật tự. Đổi mới chương trình, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng; xây dựng, bồi đắp ý thức, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc cho toàn hệ thống chính trị và Nhân dân. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại địa phương; đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ các cấp vững chắc; bảo đảm chất lượng công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm.Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phát triển các công trình lưỡng dụng có khả năng chuyển đổi trạng thái kịp thời, hiệu quả.

Tập trung bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh chính trị nội bộ, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, dân tộc. Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Giữ vững an ninh chính trị, tăng cường an ninh cơ sở. Chủ động nắm chắc, dự báo sát, đúng tình hình, tích cực phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Kiên trì thực hiện mục tiêu kiềm chế gia tăng, kéo giảm tội phạm. Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy, tội phạm có vũ trang; tiếp tục các giải pháp giảm tai nạn giao thông, giảm cháy nổ. Đẩy mạnh điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

**4.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế**

Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, xúc tiến thương mại, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường năng lực hội nhập kinh tế quốc tế trong các ngành, lĩnh vực. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh, hợp tác với đối tác nước ngoài; đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa góp phần quảng bá địa phương, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh. Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh; thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

**IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

Kế thừa 04 nhiệm vụ trọng tâm và 03 đột phá của nhiệm kỳ 2020 - 2025, đồng thời, điều chỉnh, bổ sung phù hợp tình hình mới. Cụ thể:

**1. 04 nhiệm vụ trọng tâm:**

(1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền.

(2) Đẩy mạnh phát triển du lịch, sớm hình thành Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn.

(3) Phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi.

(4) Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở; chú trọng thu hút và trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ, tôn vinh những người dám nghĩ, dám làm, dám đột phá phát triển, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích của Nhân dân, của đất nước.

**2. 03 nhiệm vụ đột phá:**

(1) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp nền tảng, thúc đẩy hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

(2) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên hạ tầng giao thông, đô thị, công nghệ phục vụ cho quá trình chuyển đổi số, phát triển xanh, chuyển đổi năng lượng để phát triển đa dạng và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

(3) Tập trung cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội.

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bước vào thời kỳ mới sẽ có những thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, nhưng với tinh thần khát vọng vươn lên, với những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua, nhất là nhiệm kỳ 2020 - 2025, cùng với truyền thống cách mạng, đoàn kết, sáng tạo, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI kêu gọi toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh quyết tâm nắm bắt thời cơ, chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn, thách thức, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng./.

**PHỤ LỤC**

CÁC CHÚ THÍCH TRONG BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XXI,

NHIỆM KỲ 2025 - 2030

-----

1. Trong đó thu nội địa bình quân ước đạt 15.036 tỷ đồng/năm, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu bình quân ước đạt 9.334 tỷ đồng/năm; Ước đến năm 2025 đạt 26.000 tỷ đồng (đạt 179% so với chỉ tiêu được giao là đến năm 2025 đạt 14.500 tỷ đồng). [↑](#endnote-ref-1)
2. Giai đoạn 2021-2025, đã thực hiện dồn điền đổi thửa trên 38 cánh đồng, diện tích 729,96 ha kết hợp với xây dựng cánh đồng lớn, đưa cơ giới hóa vào để nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp trên 671 cánh đồng, với tổng diện tích 11.958,6 ha. Hiện nay, toàn tỉnhcó 122 trang trại, với tổng diện tích khoảng 384 ha, tổng giá trị sản xuất của các trang trại là 677.992 triệu đồng. [↑](#endnote-ref-2)
3. Có 130/204 sản phẩm OCOP lên sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi; đã xây dựng 13 Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. [↑](#endnote-ref-3)
4. Toàn tỉnh có 204 sản phẩm đạt OCOP 3-4 sao. [↑](#endnote-ref-4)
5. Tổng diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng (FSC) trên địa bàn tỉnh đạt 20.877 ha (rừng tự nhiên 889,48 ha; rừng trồng 19.988 ha). [↑](#endnote-ref-5)
6. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 286.760 tấn, tăng cao so với năm 2015 (tăng 25.725 tấn) [↑](#endnote-ref-6)
7. Nghị quyêt số 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 khóa XX về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. [↑](#endnote-ref-7)
8. Liên kết, xúc tiến du lịch và tổ chức Hội nghị sơ kết diễn đàn phát triển Du lịch giữa Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; hợp tác phát triển du lịch 06 tỉnh Bình Định - Đăk Lăk - Gia Lai - Kon Tum - Phú Yên - Quảng Ngãi; Hội nghị Tổng kết Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; Hội nghị xúc tiến quảng bá du lịch Đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh thành phố, miền Trung [↑](#endnote-ref-8)
9. Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 24/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực phát triển. [↑](#endnote-ref-9)
10. Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng thi công Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Ðông đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn. Hiện nay, đang tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công các dự án: Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc,... [↑](#endnote-ref-10)
11. Kè chống sạt lở phía Bắc thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ đầu cầu Trà Khúc 1 đến cầu Núi Sứa); Kè chống sạt lở bờ biển thôn Phổ Trường, xã Nghĩa An; Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy (giai đoạn 1)). [↑](#endnote-ref-11)
12. Nghị quyết Đại hội XX: Đến năm 2025 đạt trên 35%. [↑](#endnote-ref-12)
13. Nghị quyết Đại hội XX: Đến năm 2025 có ít nhất 90%. [↑](#endnote-ref-13)
14. Làm việc trực tiếp với các tổ chức xúc tiến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như KOTRA, JETRO, EUROCHAM, HKBAV… để kết nối doanh nghiệp nước ngoài tìm hiểu môi trường đầu tư tại tỉnh; tham gia và tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài [↑](#endnote-ref-14)
15. Ước thực hiện đến hết năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 77 dự án đầu tư FDI còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 2.392 triệu USD, trong đó có 59/77 dự án hoạt động. [↑](#endnote-ref-15)
16. Ước thực hiện đến hết năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 654 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 403.053 tỷ đồng, trong đó có 441/654 dự án hoạt động. [↑](#endnote-ref-16)
17. Lũy kế đến nay, tại Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi có 349 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký đầu tư 396.046 tỷ đồng (tương đương 18,372 tỷ USD). [↑](#endnote-ref-17)
18. Tỷ lệ lấp đầy: Khu công nghiệp Tịnh Phong (98,2%); Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất (99,1%); Khu công nghiệp Đô thị dịch vụ VSIP Quảng Ngãi (87,8%); Khu công nghiệp Quảng Phú (100%). [↑](#endnote-ref-18)
19. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Ngãi là 30.065,295 tỷ đồng [↑](#endnote-ref-19)
20. Chưa bao gồm các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. [↑](#endnote-ref-20)
21. Toàn tỉnh hiện có154/170 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 91,8%; có 908/954 thôn, tổ dân phố có Nhà Văn hóa, đạt tỷ lệ 95,2%; 324 Khu thể thao thôn, TDP đạt chuẩn. [↑](#endnote-ref-21)
22. 07 di sản vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gồm: Nghề dệt thổ cẩm truyền thống của đồng bào dân tộc Hre ở Làng Teng, Nghệ thuật Cồng Chiêng dân tộc Cor, huyện Trà Bồng, Lễ hội đua thuyền Tứ Linh huyện đảo Lý Sơn, Nghệ thuật trình diễn Chiêng Ba của người Hre, Lễ hội đua thuyền truyền thống xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi, Nghệ thuật trang trí cây nêu của người Co, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, Nghề làm gốm ở Sa Huỳnh . [↑](#endnote-ref-22)
23. 05 di tích cấp quốc gia: Thắng cảnh núi Thới Lới; Thắng cảnh núi Giếng Tiền, Địa điểm Xưởng in Tín phiếu của Liên khu V tại Xà Nay (1947-1950) Xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, Đền thờ Trương Định, Địa điểm xuất quân liên quân Việt - Lào tại Đề An (19/8/1948). [↑](#endnote-ref-23)
24. Hằng năm đóng góp nhiều lượt vận động viên vào các đội tuyển và tuyển trẻ quốc gia; tập trung đào tạo vận động viên các môn võ thuật, điền kinh để đạt thành tích tốt ở các giải quốc tế và SeaGames; có 10-12 vận động viên, 02-03 huấn luyện viên và nhiều trọng tài xuất sắc được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, ban huấn luyện, ban trọng tài. Công tác Đào tạo Bóng đá trẻ đang duy trì các đội U13, U15, U17 với số lượng hàng năm từ 60-65 vận động viên. Mỗi năm đã tổ chức huấn luyện cho các đội tuyển thể thao của tỉnh tham gia từ 27 đến 29 giải thể thao khu vực và toàn quốc, đạt được từ 111 đến 115 huy chương (riêng năm 2021 do dịch bệnh Covid, nhiều giải không được tổ chức). [↑](#endnote-ref-24)
25. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT hàng năm tương đối ổn định; tỷ lệ học sinh thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng đứng vị thứ cao trong cả nước; năm học 2023 - 2024 có 49 học sinh, năm học 2024 - 2025 có 52 học sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia. [↑](#endnote-ref-25)
26. Hằng năm, số học sinh tốt nghiệp THCS đi học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chiều hướng tăng và các Trung tâm GDNN-GDTX thường xuyên tăng cường liên kết với các trường trung cấp, cao đẳng, cao đẳng nghề để tổ chức cho học sinh học văn hóa cấp THPT kết hợp với trình độ trung cấp nghề tại các trường. [↑](#endnote-ref-26)
27. Cụ thể: 58,74% trường mầm non; 88,67% trường tiểu học; 90,63% trường trung học cơ sở; 39,62% trường TH - THCS; 74,36% trường THPT. [↑](#endnote-ref-27)
28. Giai đoạn từ năm 2021-2024 đã tổ chức triển khai 50 nhiệm vụ, gồm 29 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2020 sang năm 2021 và 21 nhiệm vụ mở mới giai đoạn 2021-2024 (trong đó: cấp quốc gia và cấp bộ 9 nhiệm vụ; cấp tỉnh 39 nhiệm vụ; cấp cơ sở 02 nhiệm vụ). [↑](#endnote-ref-28)
29. Hướng dẫn 195 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp. Công nhận 114 sáng kiến có hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh. [↑](#endnote-ref-29)
30. Giá trị kinh tế số tỉnh năm 2020 khoảng 5,09% GRDP (xếp hạng 53/63), năm 2021 khoảng 5,22% (xếp hạng 53/63), năm 2022 khoảng 4,99% (xếp hạng 57/63), năm 2023 khoảng 5,55% (xếp hạng 52/63). [↑](#endnote-ref-30)
31. Nghị quyết Đại hội XX: Đến năm 2025, có trên 8 bác sĩ và 32 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. [↑](#endnote-ref-31)
32. Tính từ đầu nhiệm kỳ đến 31/12/2023: Đảng viên bị xóa tên: 269; Đảng viên xin ra khỏi Đảng: 75. [↑](#endnote-ref-32)
33. Số liệu tính đến 15/11/2024, sẽ tiếp tục cập nhật. [↑](#endnote-ref-33)
34. Cấp tỉnh đã tổ chức 08 cuộc đối thoại, cấp huyện đã tổ chức 174 cuộc đối thoại và cấp xã đã tổ chức 1.687 cuộc đối thoại với nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động. [↑](#endnote-ref-34)
35. Đã triển khai thực hiện 3.339 cuộc thanh tra, kiểm tra, phát hiện sai phạm với tổng số tiền 196.100,6 triệu đồng, 610,55 ha đất, cùng nhiều sai phạm khác... đã kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 42.622,4 triệu đồng, 10 ha đất, kiến nghị xử lý khác 153.478,4 triệu đồng và 600,5 ha đất; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xem xét 13 vụ việc có dấu hiệu tội phạm; ban hành 1.536 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 13.397 triệu đồng cùng nhiều biện pháp khắc phục, chấn chỉnh khác. [↑](#endnote-ref-35)
36. Các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh đã tổ chức tiếp 20.841 lượt/23.161 người/19.883 vụ việc; trong đó có 93 lượt đoàn đông người; tiếp nhận và xử lý 37.996 đơn khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh; đã giải quyết 1.371/1.386 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền. [↑](#endnote-ref-36)
37. Tổ công tác chỉ đạo giải quyết một số vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh *(được Chủ tịch UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 24/5/2019)* đã lập kế hoạch kiểm tra, rà soát đối với 18 vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài thuộc thẩm quyền của tỉnh, trong đó đã giải quyết xong đối với 14 vụ việc, còn 04 vụ việc đang xem xét giải quyết. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch chi tiết đối với 40 vụ việc; đã có kết quả giải quyết dứt điểm đối với 36 vụ việc, còn có 04 vụ việc đang giải quyết. [↑](#endnote-ref-37)
38. Giảm 648 vụ (24,66%) so với nhiệm kỳ trước. [↑](#endnote-ref-38)
39. Giảm 938 vụ (41,9%), giảm 1.586 người bị thương (58,8%) so với nhiệm kỳ trước. [↑](#endnote-ref-39)
40. Đã triển khai bảo hộ đối với 18 tàu cá 150 ngư dân của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ khi đang hành nghề tại vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam; 33 tàu cá - 352 ngư dân bị tàu nước ngoài ngăn cản, lấy tài sản, hải sản; phối hợp với các cơ quan liên quan đưa 193 ngư dân (trong đó có 08 ngư dân tỉnh khác) bị nước ngoài bắt giữ qua các năm về nước an toàn. Hiện toàn tỉnh vẫn còn 33 ngư dân bị bắt giữ. [↑](#endnote-ref-40)
41. Tổng thu du lịch ước đạt 1.450/2.780 tỷ, bằng 52% chỉ tiêu; giải quyết việc làm khoảng 19.400/21.900 lao động, bằng 89% Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 khóa XX về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. [↑](#endnote-ref-41)